

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/12/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+GTCL-P2+P4	7:25	4+2+9	0+0+0		2+4+10	0+0+0	1 người nha mặt GTCL

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2021	TO: VSP01 - GTC1 - P2 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	91	1	8	20	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	90	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MIT	VSP01	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	92	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	92	1	7	110	81	KH-THAC	Vietnamese
6	VU ANH NGOC	P2	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI DINH THU	P4	63-64	2	20	16	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HUU TOAN	P4	61	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN DUC TOAN	P4	62	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI TRUNG HOI	P4	56	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN QUYEN	P4	51	1	7	23	23	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN DUC CHIN	P4	54-55	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN KHANH	P4	57-58	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN THAI	P4	59-60	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LONG	P4	53	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	4	4	27	304	20	2		
2	GTC1	0	0	0	0	0	1		
3	P2	2	2	14	156	110	4		
4	P4	9	13	120	547	39	10		
TOTAL		15	19	161	1.007	169	17		
WEIGHT KG				161	1.007	169			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P6+TD3	7:25	17+0+2	0+0+0		1+0+9	0+0+0	CHUYEN 1 tđ1-p6

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2021	TO: TD1 - P6 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:20
XANH - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LUAN	TD1	88-89	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
2	LO XUAN PHU	TD1	44-45	2	19		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO VAN DUNG	TD1	92	1	8	19	82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUY THƯƠNG	TD1	01	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ QUANG	TD1	33	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRỌNG	TD1	87	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN GIA CUONG	TD1	38	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TRUNG	TD1	46	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HOANG HAI	TD1	34	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN MAI	TD1	39	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH DUNG	TD1	34	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VIẾT ĐỨC	TD1	40	1	8	13	68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	TD1	42-43	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
14	HA MẠNH HUNG	TD1	36	1	10	13	58	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN CHINH	TD1	86	1	16		74	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN KHA	TD1	93	1	7	16	72	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LONG	TD1	90	1	10	13	68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN VIỆT ĐÔNG	TD3	06	1	7	35	77	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN QUỐC QUAN	TD3	07	1	13		77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	20	210	1.236	74	1	1	CHUYEN 1 PAX TU TD1 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD3	2	2	20	154	35	9	9	
TOTAL		19	22	230	1.390	109	10		
WEIGHT KG				230	1.390	109			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



